TÒA ÁN NHÂN DÂN **HUYỆN LẠNG GIANG** **TỈNH BẮC GIANG**	**CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM** **Độc lập – Tự do – Hạnh phúc**

Bản án số: 46/2017/HNGĐ-ST
Ngày 26/7/2017
V/v: Tranh chấp hôn nhân và gia đình

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN LẠNG GIANG – TỈNH BẮC GIANG

Với thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

- Thẩm phán – Chủ tọa phiên tòa**:** Ông Nguyễn Văn Ngữ
- Các Hội thẩm nhân dân: Ông Giáp Đức Sơn.
Ông Ngô Thanh Xuân.
- Thư ký ghi biên bản phiên tòa: Bà Ngô Thị Thủy – Thư ký TAND huyện Lạng Giang
- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Lạng Giang tham gia phiên tòa: Không tham gia.

Ngày 26 tháng 7 năm 2017, tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Lạng Giang tiến hành xét xử sơ thẩm công khai vụ án dân sự thụ lý số 226/2017/TLST-HNGĐ ngày 04/7/2017 về vụ án "Tranh chấp hôn nhân và gia đình" theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 81/2017/QĐXXST- HNGĐ ngày 14 tháng 7 năm 2017 giữa các đương sự:

- **Nguyên đơn**: Chị Phạm Thị H, sinh năm: 1972 (vắng mặt).
HKTT: Thôn C, xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.
- **Bị đơn**: Anh Trương Công Đ, sinh năm: 1965 (có mặt).
Nơi cư trú: Thôn T, xã Q, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

NỘI DUNG VỤ ÁN

* Tại đơn khởi kiện xin ly hôn và quá trình giải quyết vụ án nguyên đơn chị Phạm Thị H trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Chị kết hôn với anh Trương Công Đ năm 1991 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, tỉnh Bắc Giang.

Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do tính cách vợ chồng không hợp nhau nên trong cuộc sống vợ chồng thường xuyên xảy ra xô sát. Vợ chồng chị sống ly thân từ năm 2009 đến nay, cắt đứt liên lạc và tình cảm, không quan tâm gì đến nhau nữa. Nay xác định tình cảm vợ chồng không còn, chị xin được ly hôn với anh Trương Công Đ.

Về con chung: Vợ chồng chị có 02 con chung là Trương Thị Mai A, sinh năm 1991 và Trương Quang D, sinh năm 1996. Hiện các con của chị đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường, chị không đề ngị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Chị không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Vì điều kiện công việc và ở xa, chị xin vắng mặt trong quá trình xét xử vụ án.

* Anh Trương Công Đ là bị đơn trong vụ án trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Anh xác nhận lời khai của chị H về điều kiện, thời gian kết hôn là đúng. Quá trình chung sống vợ chồng xảy ra nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn là do kinh tế gia đình khó khăn và bất đồng quan điểm sống, vợ chồng thường xuyên xảy ra xung đột. Chị H bỏ đi khỏi địa phương từ năm 2009 đến nay, cắt đứt mọi quan hệ tình cảm, không quan tâm, liên lạc gì với nhau nữa. Xác định tình cảm vợ chồng không còn nên chị H xin ly hôn anh đồng ý.

Về con chung: Anh xác nhận vợ chồng có 02 con chung như chị H trình bày là đúng. Hiện các cháu đã trưởng thành, khỏe mạnh và phát triển bình thường nên anh không đề nghị Tòa án giải quyết.

Về tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Anh không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Tại phiên tòa hôm nay anh vẫn giữ nguyên ý kiến của mình.

NHẬN ĐỊNH CỦA HỘI ĐỒNG XÉT XỬ:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu có trong hồ sơ vụ án đ□ợc thẩm tra tại phiên toà, Hội đồng xét xử xét thấy:

[1]. *Về thủ tục tố tụng*: Nguyên đơn là chị Phạm Thị H vắng mặt tại phiên tòa và đã có đơn xin xét xử vắng mặt. Căn cứ khoản 1 Điều 227 Bộ luật tố tụng dân, Hội đồng xét xử vắng mặt chị H.

[2]. *Về quan hệ hôn nhân:* Chị Phạm Thị H và anh Trương Công Đ kết hôn với nhau năm 1991 trên cơ sở tự do tìm hiểu, tự nguyện và có đăng ký kết hôn tại UBND xã M, huyện L, Tỉnh Bắc Giang là hôn nhân hợp pháp theo Điều 5, 6, 8 Luật hôn nhân gia đình năm 1986.

Quá trình chung sống của vợ chồng phát sinh nhiều mâu thuẫn, nguyên nhân mâu thuẫn một phần là do tính cách, quan điểm sống của vợ chồng khác nhau, một phần là do kinh tế khó khăn. Năm 2009 chị H đi khỏi địa phương, vợ chồng cắt đứt liên lạc và tình cảm từ đó, nay chị H xin ly hôn anh Đ đồng ý.

Xét thấy, tình cảm vợ chồng giữa chị H và anh Đ không còn, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu ly hôn của chị H là chính đáng, phù hợp với Điều 56 Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 nên HĐXX chấp nhận.

Về con chung, tài sản chung và nghĩa vụ chung về tài sản: Cả chị H và anh Đ đều không yêu cầu Tòa án giải quyết nên Hội đồng xét xử không đặt ra xem xét.

[3]. *Về án phí:* Chị Phạm Thị H phải chịu án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

[4]. *Về quyền kháng cáo*: Các đương sự có quyền kháng cáo bản án theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên.

QUYẾT ĐỊNH:

Áp dụng Điều 51, Điều 56, Điều 57 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Áp dụng khoản 1 Điều 28, Điều 35, Điều 39, khoản 4 Điều 147, khoản 1 Điều 227, Điều 271, khoản 1 Điều 273 Bộ luật Tố tụng dân sự;

Áp dụng điểm a khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30/12/2016 về án phí, lệ phí Tòa án:

[1]. Về quan hệ hôn nhân: Xử cho Phạm Thị H ly hôn anh Trương Công Đ.

[2]. Về án phí: Chị Phạm Thị H phải chịu 300.000 đồng tiền án phí dân sự sơ thẩm, nhưng được trừ vào số tiền chị đã nộp tạm ứng án phí theo biên lai thu số AA/2015/0002419 ngày 04/7/2017 của Chi cục thi hành án dân sự huyện Lạng Giang. Chị Phạm Thị H đã nộp đủ tiền án phí dân sự sơ thẩm.

[3]. Về quyền kháng cáo:

Báo cho đ□ơng sự có mặt biết có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Đ□ơng sự vắng mặt có quyền kháng cáo trong hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được tống đạt bản án.

Án xử công khai sơ thẩm.

***Nơi nhận*:**
- *VKSND huyện Lạng Giang*;
- *THADS huyện Lạng Giang;*
- *Các đương sự;*
- *UBND xã M;*
- *Lưu*.

T.M HỘI ĐỒNG XÉT XỬ
Thẩm phán- Chủ tọa phiên tòa

Nguyễn Văn Ngữ
Đã ký